

Bản án số: 337/2018/HC-PT

Ngày 28-8-2018

V/v Kiện quyết định xử phạt vi phạm
hành chính và quyết định cưỡng chế
thực hiện quyết định xử phạt VPHC.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 266/2017/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2017 về “*Kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Do bản án số 21/2016/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 865/2017/QĐPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1950 (có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bà T:

1/ Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Trần Văn T, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Nguyễn Ngọc Đẹp, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Cáp Chiến T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trụ sở: Khóm A, thị trấn Trần Văn T, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tấn C– Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời:

- Ông Hồ Song T– Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Văn Thời (có mặt)

- Ông Võ Thanh B – Trưởng phòng Tư pháp huyện Trần Văn Thời (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau: Ông Tiêu Văn T (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Hồ Thị T và lời trình bày trong quá trình tố tụng, bà T và bà Trần Thị Kim H - Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khóm 1, Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời bà T chuyển nhượng của ông Trần Hoàng G (đất ông G được Nhà nước cấp năm 1989) vào năm 1992 diện tích chiều ngang 4,5m, chiều dài 30m, với giá 07 chỉ vàng 24k, hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, khi chuyển nhượng không lập hợp đồng mà chỉ làm giấy giao kèo. Bà T quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất nêu trên đến năm 1994 thì sang lại cho ông Nguyễn Trung T, địa chỉ: Khóm A, thị trấn Trần Văn T, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau, diện tích là: ngang 4,5m, chiều dài tính từ mặt lộ giao thông cũ (lộ xi măng) trở vô, việc sang nhượng có làm giấy tay. Bà T quản lý và sử dụng phần đất còn lại bên kia lộ xi măng có diện tích 81m² (ngang 4,5m x dài 18m), tọa lạc tại Khóm A, thị trấn Trần Văn T, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

Đến năm 2012, Nhà nước tiến hành giải toả một phần diện tích trong phần đất nêu trên do bà T quản lý, sử dụng và được chi bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng lộ giao thông nông thôn tuyến nội ô thị trấn Trần Văn Thời với số tiền là: 26.291.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi một ngàn đồng). Sau khi thu hồi diện tích thực tế còn lại của bà có chiều ngang 4,5m x chiều dài 12m, diện tích: 54m².

Ngày 23/11/2015, bà T nhận được Quyết định số 264/QĐ-XPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Hồ Thị T, với lý do: “*đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở do Nhà nước quản lý, hiện trạng ngang 4,2m x dài 7,8m..., hình thức xử phạt là phạt tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.*”

Ngày 23/6/2016, bà T nhận được quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-CC của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời “*áp dụng cưỡng chế buộc bà Hồ Thị T chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm*”. Ngày 28

tháng 7 năm 2016, bà T làm đơn khiếu nại quyết định số 06 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 12/8/2016, bà T nhận được Quyết định số: 09/QĐ-CC của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời về việc cưỡng chế thi hành, quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời.

Ngày 16/8/2016, phần đất của bà T bị cưỡng chế.

Các quyết định nêu trên không xem xét hết toàn diện vụ việc gây thiệt hại rất lớn đến quyền lợi của bà T vì:

- Phần đất nêu trên, bà đã quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1992 cho đến nay, đồng thời khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất xây dựng lộ Giao thông nông thôn vào năm 2012 tuyến nội ô thị trấn Trần Văn Thời chỉ có bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho bà số tiền 26.291.000đồng.

- Sau khi nhận được quyết định số 06/QĐ-CC của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, bà khiếu nại nhưng vẫn chưa được giải quyết thì lại tiếp tục ban hành quyết định số 09/QĐ-CC cưỡng chế gây thiệt hại rất lớn đến quyền lợi của bà.

- Việc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời căn cứ vào Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ để làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính đối với bà là chưa phù hợp. Bởi, tại khoản 1 Điều 36 quy định rõ: *“Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý...”*. Đó là hành vi vi phạm, còn bà đã quản lý sử dụng phần đất này từ năm 1992 cho đến nay, nên việc áp dụng Nghị định 102 là trái với quy định pháp luật.

Nay người khởi kiện bà Hồ Thị T yêu cầu:

1. Huỷ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời.

2. Huỷ quyết định số 09/QĐ-CC của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các quyết định có liên quan nêu trên.

3. Buộc người bị kiện ra quyết định cưỡng chế trái quy định pháp luật, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho bà T có giá trị là: Nhà trị giá: 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); Tài sản vật dụng sinh hoạt trị giá: 100.000.000 (Một trăm triệu đồng); Tiền mặt: 51.500.000đ (Năm mươi một triệu năm trăm ngàn đồng); 01 hộp vàng do chính quyền đang thu giữ - có niêm phong (mọi người thấy).

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đại diện theo ủy quyền của bà T xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Bà T yêu cầu hủy các Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC, số 09/QĐ-CC và yêu cầu UBND huyện Trần Văn Thời giải quyết cho tái định cư tại chỗ, rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại văn bản số 199/BC-UBND ngày 23/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời và lời trình bày trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời, ông Trần Tấn Ctrình bày:

Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khóm 1, Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời mà UBND huyện cưỡng chế đối với bà T thì thửa đất này bà T không có hồ sơ về nguồn gốc đất. Theo sổ mục kê năm 1990 thì thửa đất này có nguồn gốc là một phần của thửa số 44, tờ bản đồ số 08, thị trấn Trần Văn Thời, đo năm 1990, diện tích thửa 44 là 47.320m², loại đất hoang (Hg) do UBND thị trấn Trần Văn Thời đứng tên đăng ký, kê khai theo chỉ thị 299/TTg năm 1980. Đất này là đất kênh xáng do UBND thị trấn quản lý, chưa phân phối cho ai (BL: 185).

Ngày 11/12/2009, Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời ban hành quyết định số 3255/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng lộ giao thông khu thương nghiệp-Dân cư khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời. Ngày 27/7/2011, hội đồng giải phóng mặt bằng đã thông báo cho bà T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với việc giải tỏa diện tích thửa đất số 118 nêu trên, số tiền là 26.291.000đ. Bà T đã nhận tiền và ngày 13/12/2011 có bản cam kết nhận tiền và giao mặt bằng cho nhà nước để thi công công trình nhưng bà T không thực hiện giao mặt bằng, không tháo dỡ công trình. Năm 2012, khi nhà nước lập bản đồ thì bà T tự kê khai là đất ở đô thị nên trong bản đồ và sổ mục kê có ghi là đất ở đô thị. Do việc kê khai này nên Văn phòng đăng ký đất đai đã cấp trích lục bản đồ thể hiện thửa là đất ở đô thị. Việc bà T kê khai đất ở đô thị năm 2012 là không đúng vì đất có nguồn gốc do bà T lấn chiếm đất công, chưa được công nhận QSDĐ, bà T kê khai sau thời điểm nhà nước đã bồi thường tài sản, hỗ trợ, đã chi trả tiền cho bà T vào năm 2011. Khi nhận tiền bồi thường tài sản, hỗ trợ thì bà T đã cam kết tháo dỡ nhà giao đất cho nhà nước nhưng sau đó không thực hiện (BL: 83).

Đất ông Trần Hoàng G được nhà nước giao theo Quyết định số 99/QĐ-UB ngày 10/4/1990, diện tích được giao là 4,5m x 18m = 81m², trong quyết định không thể hiện vị trí và bản đồ lô đất. Phần đất giao cho ông G nằm trong thửa 44, tờ bản đồ số 08 đo năm 1990 do UBND thị trấn Trần Văn Thời kê khai. UBND huyện không có hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông G

và bà T, chỉ có tờ giao kèo sang nhượng đề ngày 05/11/1993 giữa ông G và bà T và xác nhận của ông G ngày 19/4/2018. Theo đó ông G xác nhận đất của ông được cấp có vị trí phía đông giáp đường đất đen kênh xáng mước, phía tây giáp đất bà Thu, Nam giáp đất bà Hoa, Bắc giáp đất ông T. Thửa đất cấp cho ông G và thửa đất số 118, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khóm 1, Thị trấn Trần Văn Thời là 2 thửa đất khác nhau.

Trường hợp bà T không đủ điều kiện được tái định cư. Nếu bà T có nhu cầu về nhà ở thì liên hệ Phòng tài nguyên và môi trường để được hướng dẫn lập thủ tục giao đất ở tại khu hành chính-Dân cư, Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định nhưng bà T không thống nhất nhận nền nhà khu này. Đất thuộc khu thương nghiệp - Dân cư (chợ nông sản, là khu có nhà bà T bị cưỡng chế) chỉ được xem xét giao dưới hình thức đấu giá QSDĐ nên không thể giao cho bà T dưới hình thức tái định cư.

Việc bà Hồ Thị T lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý cất nhà ở là vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai và đã được các cơ quan chức năng của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời cùng các ngành đoàn thể, Trưởng

khóm nhiều lần vận động, thuyết phục tháo dỡ di dời nhà trả lại hiện trạng, nhưng bà T không chấp hành. Ngày 23/11/2015, Chủ tịch UBND thị trấn Trần Văn Thời ban hành Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Hồ Thị T. Quyết định đã được triển khai cho bà T biết và các cơ quan chức năng vận động, thuyết phục, nhưng bà T không chấp hành thực hiện. Sau đó Chủ tịch UBND thị trấn Trần Văn Thời ban hành Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 sửa đổi Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC, hủy bỏ một phần Quyết định số 264/QĐ-XPVPHC về phần xử hạt bà T 4.000.000đ do hết thời hiệu xử phạt, giữ nguyên phần áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 09/QĐ-CC ngày 12/8/2016 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền quy định khoản 3 Điều 4 Thông tư số 16/2010/TT-BTNMT ngày 26/8/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. UBND huyện đã bồi hoàn đầy đủ cho bà T, bà T đã nhận tiền và ký cam kết không khiếu nại nên bà T không liên quan trên phần đất này nữa. Nay UBND huyện không chấp nhận theo đơn khởi kiện của bà T, đề nghị giữ nguyên các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Thời.

Chủ tịch UBND thị trấn Trần Văn Thời đồng ý với ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án số 21/2016/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 6 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003; điểm e khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009) và Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc hủy các Quyết định xử phạt hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, Quyết định cưỡng chế số 09/QĐ-CC ngày 12/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời và Quyết định có liên quan số 262/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 về sửa đổi bổ sung Quyết định bị khởi kiện số 264, yêu cầu được giải quyết tái định cư tại chỗ trên phần đất bị cưỡng chế.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/7/2017, bà Trần Thị Kim H là người đại diện của bà T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm với lý do: Nguồn gốc đất bị cưỡng chế do bà T sang nhượng của ông G, năm 1994 bà sang lại một phần cho ông T, phần còn lại 81m² bà cất nhà ở nay bị cưỡng chế tháo dỡ nên bà T đủ điều kiện được bồi thường, tái định cư. Tòa sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện vụ án, không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan, Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 sửa đổi quyết định số 264/QĐ-XPVPHC nhưng bà T không hay biết nên bà T chưa có yêu cầu gì với quyết định 262/QĐ-XPVPHC.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho các đương sự trình bày:

Luật sư Thắng trình bày: Hộ bà T có tên trong sổ địa chính nhưng UBND huyện chưa bồi thường đất là không đúng, ông Thắng chưa tiếp cận được các chứng cứ mới do phía người bị kiện nộp bổ sung. Đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Bà Hồ Thị T trình bày: Bà yêu cầu trả lại đất bị cưỡng chế cho bà.

Ông Hồ Song T trình bày: Đất UBND trước kia giao cho ông G chỉ có diện tích $4,5m \times 18m = 81m^2$ theo quyết định giao đất. Bà T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất mua của ông G cho ông T. Phần đất bị cưỡng chế thuộc thửa 118 là đất công do bà T lấn chiếm. Trước khi cưỡng chế nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ cho bà T. Bà T đã nhận tiền bồi thường và cam kết tháo dỡ nhà, công trình giao đất cho nhà nước nhưng sau đó không thực hiện cam kết. Bà T không thuộc diện được tái định cư. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với phần đất thửa 118 là sai nên UBND huyện đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T.

Ông C trình bày: Bà T không thuộc diện được tái định cư theo quy định. Tuy nhiên, UBND huyện vẫn đồng ý cấp cho bà một xuất tái định cư tại khu hành chính – Dân cư khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời nhưng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định nhưng bà T không đồng ý. Nay UBND huyện vẫn đồng ý cấp cho bà một xuất tái định cư nếu bà T có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Nguồn gốc đất bà T thửa 118 đã được làm rõ là đất công do nhà nước quản lý và UBND thị trấn đã đăng ký theo chỉ thị 299, bà T lấn chiếm làm nhà, không thuộc diện tích đất bà T mua của ông G. Phần đất bà T mua của ông G đã bán hết cho ông T. Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC và 262/QĐ-XPVPHC, quyết định cưỡng chế là đúng pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính được cán bộ địa chính- Đô thị- Xây dựng và Môi trường thị trấn Trần Văn Thời lập ngày 19/11/2015, ngày 23/11/2015, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC với nội dung: Xử phạt bà Hồ Thị T do có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp do nhà nước quản lý, diện tích là $4,2 \times 7,8m$, vi phạm khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014 ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Phạt 4.000.000đ. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

[2]- Ngày 12/8/2016, UBND huyện Trần Văn Thời ra Quyết định số 09/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC. Ngày 16/8/2016, các cơ quan có thẩm quyền đã tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nhà bà T.

[3]- Bà T cho rằng diện tích đất của bà có chiều ngang $4,5m \times$ chiều dài $12m$, diện tích: $54m^2$ có nhà của bà không phải do bà lấn chiếm mà đất này có

nguồn gốc của ông Trần Hoàng G được nhà nước cấp năm 1990, năm 1992 ông G đã chuyển nhượng cho bà. Do đó, bà T không đồng ý và đã khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 09/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu hủy 2 quyết định này, đồng thời yêu cầu được tái định cư tại chỗ.

[4]- Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/10/2016, Chủ tịch UBND thị trấn Trần Văn Thời ban hành Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC với nội dung hủy bỏ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 264/QĐ-XPVPHC về phần phạt 4.000.000đ do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; giữ nguyên phần áp dụng biện pháp buộc khắc phục hậu quả đối với bà T. Đây là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét trong vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện người khởi kiện thì thấy:

[5]- Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định số 264/QĐ-XPVPHC, số 262/QĐ-XPVPHC và số 09/QĐ-CC của Chủ tịch UBND huyện là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP, Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 33 Nghị định số 166/2013 ngày 12/11/2013 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[6]- Về nội dung các quyết định bị khởi kiện và quyết định hành chính liên quan:

- Về nguồn gốc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại khóm 1, Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời theo bản vẽ hiện trạng lập ngày 07/3/2017 có diện tích là 41,3m²:

Theo lời trình bày của bà T thì: Năm 1992 bà sang nhượng của ông G diện tích đất ngang 4,5m, dài 30m với giá 07 chỉ vàng 24k, đất do ông G được nhà nước cấp. Năm 1994, thì bà sang lại cho ông Nguyễn Trung T, diện tích là: ngang 4,5m, chiều dài tính từ mặt lộ giao thông cũ (lộ xi măng) trở vô, việc sang nhượng có làm giấy tay. Bà T quản lý và sử dụng phần đất còn lại có diện tích 81m² (ngang 4,5m x dài 18m) đối diện quan lộ xi măng (trước kia là lộ đất).

Phía UBND huyện và UBND thị trấn Trần Văn Thời cho rằng phần đất thửa 118 là đất công, đất kênh xáng, bị bà T lấn chiếm từ năm 1994, không nằm trong diện tích đất nhà nước cấp cho ông G, diện tích đất cấp cho ông G chỉ là 81m² và bà T đã chuyển nhượng hết cho ông T, sau khi chuyển nhượng cho ông T thì bà T lấn chiếm đất kênh xáng đối diện đất ông T làm nhà.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng thì thấy: Ngày 10/4/1990 UBND huyện Trần Văn Thời có Quyết định số 99/QĐ-UB về việc cấp quyền sử dụng đất nền nhà cho ông Trần Hoàng G với diện tích ngang 4,5m, dài 18m. Năm 1993, ông G sang nhượng lại miếng đất này cho bà T. Theo trình bày của ông G thì hai bên không làm hợp đồng chuyển nhượng, chỉ viết giấy nhận vàng, ông G đưa quyết định cấp đất cho bà T. Ông G chỉ bán diện tích đất theo quyết định cấp đất, đất có vị trí cách lộ đất đen cấp bờ kinh xáng khoảng 2m, sau này các hộ dân làm lộ bê tông. Tại Tờ giao kèo đề ngày 05/11/1993 thể hiện ông G chỉ sang nhượng cho bà T diện tích đất được cấp là 4,5m x 18m. Mặt khác, theo ông G thì đất ông G được cấp nằm cách mặt lộ đất (nay là lộ xi măng) khoảng 2m, không chia làm 2 phần nằm hai bên lộ, Quyết định cấp đất cũng không thể hiện đất cấp cho ông G chia làm hai phần nằm hai bên lộ đất.

- Năm 1994, bà T sang nhượng cho ông Nguyễn Trung T diện tích đất bà sang nhượng từ ông G, khi sang nhượng không lập hợp đồng, chỉ làm giấy giao kèo đề ngày 09/7/1994 âm lịch. Tuy trong giấy giao kèo không ghi diện tích đất sang nhượng nhưng có ghi vị trí đất từ mặt lộ trở vào trong và bà T đã đưa cho ông T quyết định cấp đất của ông G. Hiện tại diện tích đất ông G là 4,5m x 18 theo mảnh trích đo địa chính số 59-2018 ngày 10/5/2018. Như vậy có căn cứ kết luận bà T đã sang nhượng toàn bộ diện tích đất bà sang nhượng từ ông G.

Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất số 118 nêu trên là một phần thửa số 44, tờ bản đồ số 08 thị trấn Trần Văn Thời do UBND thị trấn đứng tên kê khai đăng ký theo chỉ thị 299/TTg từ năm 1990, loại đất hoang (Hg). Bà T không có giấy tờ gì về nguồn gốc đất.

- Như vậy, có căn cứ kết luận ông G chỉ sang nhượng cho bà T diện tích đất được cấp là 4,5m x 18m và vị trí đất nằm cách lộ đất đen (sau này là lộ xi măng) khoảng 02m, đất ông G không nằm phía kinh xáng nên thửa đất 118 nêu trên không nằm trong diện tích đất bà T sang nhượng của ông G. Bà T cho rằng bà sang nhượng đất ông G có chiều dài 30m và thửa 118 nêu trên là phần đất do ông G được nhà nước cấp nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh, ông G không thừa nhận nên lời trình bày của bà không có cơ sở để chấp nhận. Bà T đã sang nhượng toàn bộ diện tích đất mà bà sang nhượng của ông G cho ông T. Sau đó bà sang phần đất kinh xáng do nhà nước quản lý đối diện với phần đất của ông T qua con lộ đất để cất nhà ở, nay là thửa 118 nêu trên. Việc bà T cất nhà ở trên thửa 118 là trái pháp luật, là hành vi lấn chiếm đất nhà nước.

Khi nhà nước thực hiện dự án khu thương nghiệp-Dân cư khóm 1 thì đã bồi thường, hỗ trợ tài sản cho bà T (không bồi thường đất do đất có nguồn gốc là đất công). Bà T đã nhận đủ tiền và cam kết di dời nhưng sau đó không thực hiện.

Việc UBND thị trấn xử phạt hành chính và UBND huyện cưỡng chế tháo dỡ nhà bà T là đúng pháp luật. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Bà Hồ Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm do bà là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim H là người đại diện của bà Hồ Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính số 21/2017/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau như sau:

1- Áp dụng Điều 30 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Điều 33 Nghị định số 166/2013 ngày 12/11/2013 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc hủy các Quyết định xử phạt hành chính số 264/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, Quyết định cưỡng chế số 09/QĐ-CC ngày 12/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời và Quyết định hành chính có liên quan số 262/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời về sửa đổi bổ sung Quyết định bị khởi kiện số 264/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, yêu cầu được giải quyết tái định cư tại chỗ trên phần đất bị cưỡng chế.

2- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14, Điều 2 Luật người cao tuổi.

Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho bà T số tiền 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tiền số 000922 ngày 30/11/2016; số 001151 ngày 20/7/2017 (do bà Trần Thị Kim H nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 28/8/2018.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự (5);
- Lưu (5).16b.(Ấn HQ)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng